

Số: 1015/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 23 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v đề nghị phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện
tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
của Chính phủ (bổ sung Đợt 1, năm 2016)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 845/BNV-TCBC ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Nội vụ về việc thẩm tra danh sách tinh giản biên chế đợt 1 năm 2016 của tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Liên Sở: Nội vụ- Tài chính tại Tờ trình số 97/TTr-LS:NV-TC ngày 02 tháng 3 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 năm 2016 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tổng số đối tượng thực hiện tinh giản biên chế : 05 người (Khởi hành chính cấp xã).

2. Dự toán kinh phí thực hiện nghỉ hưu trước tuổi cho 05 người: 388.512.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm mười hai ngàn đồng)

(Có biểu tổng hợp kèm theo).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP do Trung ương bổ sung có mục tiêu.

Điều 2. Chủ tịch UBND các huyện Nông Cống, Thiệu Hóa, Thọ Xuân căn cứ số lượng tinh giản biên chế được phê duyệt, ban hành Quyết định cho từng đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định hiện hành.

Giao Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện và báo cáo quyết toán kinh phí theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

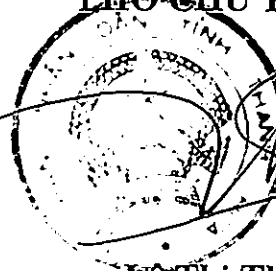
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Nông Cống, Thiệu Hóa, Thọ Xuân; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÌNH GIẢI BIÊN CHẾ ĐỘT 1 NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tình giãn biên chế					Kinh phí cho tình giãn biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng						388.512	388.512			
I	Khối hành chính	5	5				388.512	388.512			
	Cấp xã	5	5				388.512	388.512			
1	Huyện Nông Cống	1	1				99.034	99.034			
2	Huyện Thiệu Hóa	1	1				70.290	70.290			
3	Huyện Thọ Xuân	3	3				219.188	219.188			

TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN (BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2016)
(Kèm theo Quyết định số: 10157/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ địa tại	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch bậc hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liên kế		Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đã đóng BHXH (1000đ)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đã đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tính giảm biên chế	Thời điểm tính giảm biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giảm
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng lãnh phí thường xuyên từ NSNN	Thời điểm nghỉ việc		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Tổng cộng																						388.512	
1	KHỐI HÀNH CHÍNH																						388.512	
	KHỐI XÃ, PHƯỜNG																						388.512	
1	Huyện Nông Cống																						99.034	
1	Lê Xuân Thu	16/8/1958	TC	Phó Chủ tịch	4,06	6/2009	0,2	6/2011			5%	6/2011	4,06	6/2009	5226	4831	37 n	57 t	01-6-2016	x			99.034	Đa năng lực và uy tín không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2015-2020 không thể sắp xếp công việc khác
				UBND							6%	6/2012					1 th	9 th						
				xã Trung							7%	6/2013												
				Chính																				
2	Huyện Thiệu Hóa																						70.290	
1	Lê Văn Tâm	14/4/1958	TC	Phó Chủ tịch	3,46	12-2014	0,2	12-2009					3,26	12/2011			32 n	57 t	01-4-2016	x			70.290	Đa năng lực và uy tín không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ mới không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí sắp xếp
				HĐND xã									3,46	12/2013			11 th	11 th						
				Thiệu Châu																				
3	Huyện Thọ Xuân																						219.188	
1	Nguyễn Ngọc Bằng	17/5/1958	TC	PCT HĐND	4,06	12-2011	0,2	4-2011			5%	12-2013	3,86	12/2011	4.899	4.597	35 n	57 t	01-4-2016	x			89.636	Đa năng lực và uy tín không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ mới không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí sắp xếp
				xã Xuân Giang							6%	12-2014					1 th	10 th						
2	Lê Văn Triều	18/8/1958	TC	CT HĐND	3,46	8-2015	0,3	04-2011					3,26	8/2013	4.324	3.654	38 n	57 t	01-4-2016	x			77.653	Đa năng lực và uy tín không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ mới không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí sắp xếp
				xã Xuân Giang													4 th	7 th						
3	Phạm Văn Thư	01-4-1958		CT HĐND	2,85	06-2010							2,86	6/210	3.289	3.009	32 n	58 t	01-4-2016	x			51.899	Cán bộ không đủ năng lực uy tín tham gia cấp ủy nhiệm kỳ mới, chưa đạt trình độ theo tiêu chuẩn CM, NV không thể sắp xếp công việc khác
				xã Quảng Phú													3 th							

Danh sách này gồm có 05 người